

Số: 02/2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**BAN HÀNH QUY CHẾ PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG QUẢN LÝ
NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ,
HỢP TÁC XÃ, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 14 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm
2020;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư
theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện
lực, Luật Doanh nghiệp, Luật tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11
tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2003 của Chính
phủ về việc ban hành Quy chế Khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính
phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày
04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc
Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; Nghị định số 107/2017/NĐ-CP
ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định

số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 04 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ ban hành Quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 14943/TTr-SKHĐT ngày 24 tháng 11 năm 2023, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 6443/BC-STP-VB ngày 15 tháng 11 năm 2023 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2024.

Quyết định này thay thế Quyết định số 53/2003/QĐ-UB ngày 16 tháng 4 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tạm thời cung cấp thông tin cho cơ sở dữ liệu về hoạt động của doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 33/2016/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập; Khoản 10 Điều 1 Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc đính chính văn bản.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện, xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ KHĐT, Bộ TC, Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Ủy ban MTTQ VN và các Đoàn thể TP;
- VPTU và các Ban Thành ủy;
- Các Ban HĐND TP;
- Sở Tư pháp (Phòng Kiểm tra văn bản);
- VP UBND: CVP, các PCVP;
- Các Phòng NCTH, TTCB;
- Lưu VT, KT/VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

QUY CHẾ

PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN CHỨC NĂNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, HỢP TÁC XÃ, HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP (Kèm theo Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong việc:

- Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh;
- Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh;
- Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;
- Xử lý doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm quy định về kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập; giám sát doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Sở, ngành Thành phố;
- Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh; Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện);
- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã);

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Cơ quan chức năng là cơ quan quy định tại Điều 2 Quy chế này.

2. *Cổng thông tin doanh nghiệp Thành phố* tại địa chỉ <https://doanhnghiep.hochiminhcity.gov.vn> là Cổng Thông tin điện tử do Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, vận hành được sử dụng để tra cứu thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư; truy cập thông tin đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư tại Thành phố Hồ Chí Minh; cung cấp, chia sẻ thông tin về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập của các cơ quan chức năng trên địa bàn. Các cơ quan chức năng truy cập vào chương trình Hậu kiểm trên Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố để cập nhật tình trạng pháp lý, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) của doanh nghiệp, nhằm theo dõi, chia sẻ thông tin cho các cơ quan liên quan, phối hợp quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập theo Quy chế này.

3. *Công khai thông tin doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin một cách rộng rãi, không thu phí.

4. *Cung cấp thông tin doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin có nội dung, phạm vi xác định tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

5. *Kiểm tra doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã và cá nhân, tổ chức có liên quan.

6. *Thanh tra doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh* là hoạt động xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

7. *Trao đổi thông tin doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh* là việc hai hay nhiều cơ quan chức năng cung cấp thông tin thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.

8. *Giám sát doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh* là việc các cơ quan chức năng theo nhiệm vụ, quyền hạn tiến hành theo dõi, quan sát mang tính chủ động thường xuyên đối với hoạt động của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh thuộc phạm vi, địa bàn phụ trách nhằm đảm bảo việc tuân thủ pháp luật.

9. *Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh* là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 4. Mục tiêu

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập tại Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước;

- b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước;
- c) Công khai, minh bạch.

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi.

4. Thống nhất sử dụng Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố tạo điều kiện để các cơ quan chức năng trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp; thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; cập nhật các thông tin về xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động của doanh nghiệp (nếu có), việc chấp hành các quyết định xử lý của các cơ quan có thẩm quyền; giám sát doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập theo Quy chế này.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan chức năng cụ thể. Các cơ quan chức năng quản lý doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan chức năng; mỗi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng.

Các Sở, ngành Thành phố, Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động thực hiện quản lý nhà nước kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo ngành, lĩnh vực phụ trách; phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã về công tác chuyên môn trong việc quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập theo ngành, lĩnh vực phụ trách và theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Trường hợp có Nghị định, Thông tư chưa quy định cụ thể tên cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực; Sở, ngành Thành phố chuyên môn thuộc Bộ, ngành ban hành Thông tư hoặc trình Chính phủ ban hành Nghị định, là đơn vị tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh đối với ngành, lĩnh vực theo Nghị định, Thông tư đó.

Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước đối với hoạt động của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập theo nhiệm vụ, quyền hạn, địa bàn phụ trách. Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện kiểm tra, giám sát doanh nghiệp về tính hợp lệ trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp khi doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

2. Trao đổi, cung cấp, công khai, cập nhật thông tin doanh nghiệp của các cơ quan chức năng được thực hiện trên Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ

kinh doanh phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu và theo đúng quy định. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoạt động bình thường.

Chương II

TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Điều 6. Nội dung thông tin doanh nghiệp

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp, bao gồm: Tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp; Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần; đối với thành viên hợp danh của công ty hợp danh; đối với chủ doanh nghiệp của doanh nghiệp tư nhân. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp và địa chỉ trụ sở chính của thành viên là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; vốn điều lệ đối với công ty, vốn đầu tư đối với doanh nghiệp tư nhân; Ngành, nghề kinh doanh; Danh sách cổ đông sáng lập; danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần (nếu có); tên, mã số, địa chỉ, tên người đứng đầu đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh.

2. Thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp bao gồm: Tạm ngừng kinh doanh; Không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký; Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cưỡng chế về quản lý thuế; Đang làm thủ tục giải thể, đã bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập; Đang làm thủ tục phá sản; Đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại; Đang hoạt động.

3. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật, bao gồm: kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác; việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của doanh nghiệp, các hình thức chế tài (nếu có), Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin doanh nghiệp

1. Thông tin về đăng ký doanh nghiệp của các doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư công khai trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Sở Kế hoạch và Đầu tư công khai trên Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố để các cơ quan chức năng khai thác, tra cứu, trao đổi thông tin về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Trường hợp thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bị thiếu hoặc chưa chính xác so với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy do quá trình chuyển đổi dữ liệu, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn doanh nghiệp hoặc trực tiếp bổ sung, cập nhật thông tin theo quy định.

2. Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn thành phố trên Cổng thông tin doanh nghiệp Thành phố. Nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp công khai gồm những thông tin quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 6 Quy chế này.

3. Các cơ quan chức năng công khai trên Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố các thông tin quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 6 Quy chế này theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý, tình trạng hoạt động của doanh nghiệp

1. Trên cơ sở khai thác từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối cung cấp, công khai thông tin về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố trên Cổng Thông tin doanh nghiệp thành phố để các cơ quan chức năng tra cứu và thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư định kỳ đối chiếu thông tin trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với thông tin do cơ quan quản lý thuế cung cấp về tình trạng pháp lý của doanh nghiệp.

3. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm cập nhật thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp vào chương trình Hậu kiểm trên Cổng thông tin doanh nghiệp Thành phố trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất xử lý phát sinh sự việc và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc không cập nhật hoặc cập nhật không đúng thời hạn (trừ các trường hợp theo quy định của luật chuyên ngành).

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

1. Các cơ quan chức năng chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý theo quy định.

2. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm cập nhật thông tin về quản lý nhà nước đối với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp vào chương trình Hậu kiểm trên Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố.

3. Các cơ quan chức năng thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật

1. Các cơ quan chức năng cập nhật thông tin về xử lý doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh có hành vi vi phạm pháp luật, việc chấp hành các quyết định xử lý, chấm dứt hành vi vi phạm vào chương trình hậu kiểm trên Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có phát sinh sự việc và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc không cập nhật hoặc cập nhật không đúng thời hạn (trừ các trường hợp theo quy định của luật chuyên ngành).

2. Cục Thuế Thành phố công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh trên địa bàn thành phố có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế.

3. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm công khai doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý. Thông tin công khai gồm: tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người đứng đầu đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả, việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của doanh nghiệp (nếu có).

Điều 11. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp

Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về hoạt động của doanh nghiệp của các cơ quan chức năng được thực hiện trên Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước.

Trường hợp có sự cố kỹ thuật không thực hiện được trên Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố thì việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp, công khai thông tin về hoạt động của doanh nghiệp của các cơ quan chức năng được thực hiện thông qua hộp thư điện tử của các cơ quan hoặc bằng văn bản.

Chương III

THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP; THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP VÀ XỬ LÝ DOANH NGHIỆP CÓ HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN, NGÀNH, NGHỀ TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG CÓ ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 12. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và xử lý doanh nghiệp vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp bao gồm: phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

2. Nội dung phối hợp trong thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm: phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Nội dung phối hợp trong xử lý doanh nghiệp vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài gồm: phối hợp xử phạt doanh nghiệp; yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

1. Xây dựng kế hoạch và phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp phải có nội dung chủ yếu sau đây: Mục đích, yêu cầu, phạm vi, nội dung, tên doanh nghiệp, hình thức (thanh tra hay kiểm tra), thời gian, đơn vị thực hiện hoặc đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và các nội dung khác (nếu có).

a) Thanh tra Thành phố có trách nhiệm hướng dẫn Thanh tra sở, Thanh tra cấp huyện xây dựng dự thảo kế hoạch thanh tra để tổng hợp vào kế hoạch thanh tra của Thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo quy định.

b) Thanh tra Sở là cơ quan đầu mối xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp hàng năm của đơn vị trên cơ sở tổng hợp nhu cầu thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các phòng, ban, đơn vị phụ thuộc; trình Giám đốc Sở phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của đơn vị mình.

c) Ban Quản lý, ngành Thành phố giao một phòng, ban chuyên môn là đầu mối xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp hàng năm của đơn vị trên cơ sở tổng hợp nhu cầu thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các phòng, ban, đơn vị phụ thuộc; trình Thủ trưởng đơn vị phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của đơn vị mình.

d) Thanh tra cấp huyện xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp hàng năm trên cơ sở tổng hợp đề xuất thanh tra, kiểm tra của các phòng, ban, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã trực thuộc; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để phê duyệt Kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp của đơn vị mình.

2. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm phối hợp triển khai xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp hàng năm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Trước ngày 10 tháng 11 hàng năm, Chánh Thanh tra Sở, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc ban, ngành Thành phố, Chánh Thanh tra cấp huyện trình Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề của cơ quan, đơn vị mình cho Thủ trưởng đơn vị.

Chậm nhất vào ngày 15 tháng 11 hàng năm, Thủ trưởng Sở, ngành, ban quản lý Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua dự thảo Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề của cơ quan, đơn vị mình và gửi cho Thanh tra Thành phố để xử lý chồng chéo.

Chậm nhất vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Thanh tra Thành phố xử lý chồng chéo (nếu có) và thông báo đến các cơ quan liên quan.

Chậm nhất ngày 05 tháng 12 hàng năm, Chánh Thanh tra Sở, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành thuộc ban, ngành Thành phố, Chánh Thanh tra cấp huyện trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề của cơ quan, đơn vị mình.

Chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề của cơ quan, đơn vị mình. Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp được gửi cho đối tượng thanh tra và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Thanh tra Thành phố thông báo bằng văn bản tới các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại Thành phố có kế hoạch thanh tra, kiểm tra cùng một hoặc một số doanh nghiệp, đề nghị các cơ quan này trao đổi, thỏa thuận thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp liên ngành do một cơ quan chủ trì.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

1. Các cơ quan chức năng có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp theo đúng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đã được phê duyệt hoặc tiến hành thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp không theo Kế hoạch phê duyệt hàng năm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành, Thanh tra Thành phố có trách nhiệm chủ trì, hoặc Sở, ngành Thành phố, Ban quản lý được giao chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp có trách nhiệm chủ trì hoặc trong trường hợp cần thiết Ủy ban nhân dân Thành phố giao một cơ quan khác chủ trì, các cơ quan liên quan cử cán bộ tham gia. Kết quả thanh tra, kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan chức năng tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn thanh tra, kiểm tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan thanh tra chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định.

2. Trường hợp trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Thanh tra Thành phố là cơ Quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

trên địa bàn Thành phố; tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chức năng báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp phải được công khai theo quy định của pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo phòng chuyên môn trực thuộc kiểm tra, giám sát doanh nghiệp, đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh theo nội dung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, xử lý các hành vi vi phạm về đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư; phối hợp với các Sở, ngành kiểm tra, theo dõi, giám sát, tổng hợp tình hình và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm sau đăng ký thành lập của doanh nghiệp tại địa phương.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020, các cơ quan chức năng không được ban hành văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khác với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 212 Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020, Khoản 1 Điều 77 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. Thông tin về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được công khai trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố để các cơ quan chức năng quản lý nhà nước về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài tra cứu, xử lý theo quy định của pháp luật đối với các điều kiện kinh doanh đối với doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các bước thực hiện như sau:

1. Các cơ quan chức năng có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định hành vi vi phạm.

2. Sau khi nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác minh. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải được thể hiện bằng văn bản, trách nhiệm cụ thể:

a) Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bản trả lời văn bản do cơ quan đó cấp bị giả mạo;

b) Bản sao văn bản trả lời của cơ quan công an về việc nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo;

c) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó;

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố, Ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao Thành phố có trách nhiệm xác minh tình hình hoạt động, việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp tại địa bàn quản lý; xác minh doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế.

3. Khi nhận được văn bản của cơ quan chức năng xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều này, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp theo quy định, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng đã có yêu cầu thu hồi và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở.

Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở có trách nhiệm kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền nếu doanh nghiệp tiếp tục hoạt động sau khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp có trụ sở/chỉ nhánh, văn phòng đại diện/địa điểm hoạt động trong Khu chế xuất, Khu Công nghiệp, Khu Công nghệ cao, Khu nông nghiệp công nghệ cao của Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và chuyển hồ sơ đến Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư xử lý nếu doanh nghiệp tiếp tục hoạt động sau khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài

1. Các cơ quan chức năng có thẩm quyền quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài thuộc địa bàn, lĩnh vực phụ trách có trách nhiệm cập nhật, trao đổi, cung cấp, công khai các điều kiện kinh doanh (cấp, thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật; kết quả xử lý vi phạm về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài; yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành) vào thông tin của doanh nghiệp trên Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố theo quy định tại Chương II Quy chế này.

Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện cấp đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo hồ sơ đăng ký của doanh nghiệp theo

đúng quy định của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020, Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020 và pháp luật có liên quan. Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài và điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực phụ trách của các ngành đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố công khai trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn>.

2. Phối hợp xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài:

a) Các cơ quan chức năng quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh;

b) Thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật.

Doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Khi nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chức năng quy định tại Khoản 2 Điều này, Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản thông báo, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện như sau:

a) Đối với Doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật:

Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài. Trường hợp doanh nghiệp không tạm ngừng, không chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo yêu cầu, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020.

b) Đối với doanh nghiệp bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành:

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cập nhật thông tin vi phạm nêu trên của doanh nghiệp vào chương trình Hậu kiểm trên Cổng Thông tin doanh nghiệp Thành phố trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có phát sinh sự việc và chịu trách

nhiệm trước pháp luật về việc không cập nhật hoặc cập nhật không đúng thời hạn (trừ các trường hợp theo quy định của pháp luật chuyên ngành).

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản của cơ Quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và công bố trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã bị Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành xử lý theo thẩm quyền hành vi vi phạm và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

Đối với doanh nghiệp có trụ sở/chỉ nhánh/địa điểm hoạt động trong Khu chế xuất, Khu Công nghiệp, Khu Công nghệ cao, Khu nông nghiệp công nghệ cao của Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã bị Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Ban Quản lý Khu nông nghiệp công nghệ cao phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý theo thẩm quyền hành vi vi phạm và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

Chương IV

PHỐI HỢP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, HỢP TÁC XÃ SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 17. Trách nhiệm của Sở, ngành Thành phố, Ban quản lý quản lý chuyên ngành

1. Thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành đối với liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin Liên hiệp Hợp tác xã, Hợp tác xã được thực hiện theo quy định tại Chương II Quy chế này.

2. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận,

huyện) có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động thanh tra, kiểm tra liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã theo quy định.

- Thanh tra Sở, Thanh tra cấp huyện có trách nhiệm giúp Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về liên hiệp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định.

- Việc phối hợp xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

3. Tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tiến hành thanh tra, kiểm tra không theo kế hoạch được phê duyệt theo quy định của pháp luật, xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Trong quá trình quản lý nhà nước chuyên ngành đối với liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật, các Sở, ngành Thành phố, Ban quản lý có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký hợp tác xã trong các trường hợp sau:

a) Phát hiện nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký của liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã không trung thực, không chính xác;

b) Lợi dụng danh nghĩa liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã để hoạt động trái pháp luật;

c) Hoạt động trong ngành, nghề mà pháp luật cấm;

d) Hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

đ) Chuyển trụ sở chính sang địa phương khác với nơi đăng ký trong thời hạn 01 năm mà không đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

e) Không đăng ký mã số thuế trong thời hạn 01 năm kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật đối với hợp tác xã trên địa bàn quản lý; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của hợp tác xã, của cá nhân và tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

3. Yêu cầu hợp tác xã báo cáo về tình hình hoạt động của hợp tác xã và đôn đốc việc thực hiện chế độ báo cáo của hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

4. Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra tình hình hoạt động của liên hiệp hợp tác xã; xác minh nội dung đăng ký hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn quản lý.

5. Định kỳ hàng năm, chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã của năm, báo cáo kết quả phân loại, đánh giá hợp tác xã của năm trên địa bàn quản lý gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

Chương V

PHỐI HỢP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 19. Trách nhiệm của Sở, ngành, ban quản lý quản lý chuyên ngành

1. Thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hộ kinh doanh thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật. Việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin Hộ kinh doanh được thực hiện theo quy định tại Chương II Quy chế này.

2. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra và phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra Hộ kinh doanh được thực hiện theo quy định tại Chương III Quy chế này.

3. Tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra hộ kinh doanh theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra hộ kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tiến hành thanh tra, kiểm tra không theo kế hoạch được phê duyệt theo quy định của pháp luật, xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

4. Các Sở, ngành quản lý nhà nước về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho hộ kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

b) Đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh.

5. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc hộ kinh doanh kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, đồng thời thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp hộ kinh doanh vẫn tiếp tục hoạt động ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Cập nhật hàng ngày vào Hệ thống thông tin về đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh các thông tin cấp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tạm ngừng hoạt động của hộ kinh doanh. Định kỳ tháng, quý, năm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, ngành quản lý chuyên ngành và thông

báo cho Chi Cục thuế cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về tình hình đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn.

2. Trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra hoạt động của Hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm trong hoạt động của Hộ kinh doanh.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tiếp nhận thông tin về đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh từ Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện; cập nhật, theo dõi số lượng thực tế hộ kinh doanh, hoạt động trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

2. Định kỳ sáu tháng thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện danh sách các Hộ kinh doanh không còn hoạt động tại trụ sở đăng ký.

3. Phát hiện và báo cáo Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thuộc các trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

4. Định kỳ hàng tháng, quý, năm báo cáo Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện kết quả xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền đối với hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

5. Kiểm tra hoạt động của Hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm trong hoạt động của Hộ Kinh doanh. Báo cáo Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để kịp thời chỉ đạo thực hiện trong trường hợp cần phối hợp xử lý vi phạm của hộ kinh doanh hoạt động trên địa bàn.

Chương VI

BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 22. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

- a) Trao đổi, chia sẻ, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp;
- b) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp;
- c) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d) Xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

đ) Các nội dung khác quy định tại Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn Thành phố trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập của Thành phố.

Điều 23. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp

1. Chậm nhất ngày 15 tháng 01 hàng năm, các cơ quan chức năng có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được phân công và tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 22 Quy chế này của năm liền trước, số liệu báo cáo được tổng hợp từ Công Thông tin doanh nghiệp Thành phố.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại điểm a, c, d, đ Khoản 2 Điều 22 Quy chế này.

3. Thanh tra Thành phố là đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 22 Quy chế này.

4. Chậm nhất ngày 15 tháng 02 hàng năm hoặc theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Thanh tra Thành phố dự thảo văn bản để Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập của năm liền trước theo các nội dung quy định tại Điều 22 Quy chế này, đồng thời gửi cho Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Kinh phí triển khai, thực hiện Quy chế phối hợp

Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trên địa bàn Thành phố được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã, phường, thị trấn.

Điều 25. Điều khoản thi hành

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cá nhân, tổ chức phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp đề nghị cứu trình Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung./.